TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2020/DS-ST
Ngày 10 – 7 – 2020
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Sỹ Hùng
2. Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 462/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc D; Địa chỉ: ấp T, xã A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Tô Tú A; Địa chỉ: ấp T, xã A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Nguyễn Quốc D (nguyên đơn) trình bày:

Anh có tham gia chơi 03 dây hụi do bà Tô Tú A làm chủ, cụ thể từng dây hụi như sau:

+ Dây thứ nhất: Khui ngày 20/10/2017 (AL), loại hụi 500.000đ, 1 tháng khui 1 lần khui vào ngày 20 hàng tháng, dây hụi có 30 chân, trong dây hụi này anh tham gia chơi 02 chân. Quá trình chơi hụi, anh đã đóng được 19 kỳ thì đến ngày 30/4/2019, bà A tuyên bố bể hụi nhưng đến nay, bà A không trả tiền hụi sống lại cho anh. Hiện trong dây hụi này, bà A còn nợ anh số tiền hụi sống là 19.000.000đ.

+ Dây hụi thứ hai: Khui ngày 10/6/2018 (AL), loại hụi 500.000đ, 1 tháng khui 1 lần khui vào ngày 10 hàng tháng, dây hụi có 31 chân, trong dây hụi này anh tham gia chơi 02 chân. Quá trình chơi hụi, anh đã đóng được 11 kỳ thì đến ngày 30/4/2019,

bà A tuyên bố bể hụi nhưng đến nay, bà A không trả tiền hụi sống lại cho anh. Hiện trong dây hụi này, bà A còn nợ anh số tiền hụi sống là 11.000.000đ.

+ Dây thứ ba: Khui ngày 20/6/2018 (AL), loại hụi loại 1.000.000đ, 1 tháng khui 1 lần khui vào ngày 20 hàng tháng, dây hụi có 30 chân, trong dây hụi này anh tham gia chơi 01 chân. Quá trình chơi hụi, anh đã đóng được 11 kỳ thì đến ngày 30/4/2019, bà A tuyên bố bể hụi nhưng đến nay, bà A không trả tiền hụi sống lại cho anh. Hiện trong dây hụi này, bà A còn nợ anh số tiền hụi sống là 11.000.000đ.

Sau khi tuyên bố bể hụi, bà A không trả lại tiền hụi sống mà anh đã đóng trong các dây hụi nêu trên và bỏ trốn khỏi địa phương, nên anh làm đơn gởi đến Ban nhân dân ấp T nhờ giải quyết. Ngày 02/12/2019, Ban nhân dân ấp tiến hành mời bà A đến giải quyết, do các bên không xác định được chính xác số tiền mỗi kỳ hụi đóng là bao nhiêu nên bà A thống nhất trả số tiền hụi sống mà anh đã đóng bằng với giá hụi chết và đồng ý trả cho anh số tiền là 41.000.000đ. Tuy nhiên, từ khi Ban nhân dân ấp giải quyết cho đến nay, bà A vẫn không trả tiền hụi lại cho anh. Nay anh yêu cầu bà Tô Tú A có trách nhiệm trả cho anh một lần hết số tiền nợ hụi nêu trên và không yêu cầu tính lãi từ ngày hụi bể cho đến nay.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Tô Tú A (bị đơn) trình bày:

Bà A thừa nhận lời trình bày của anh Nguyễn Quốc D về thời gian mở hụi, loại hụi, số hụi viên tham gia chơi từng dây hụi và số chân hụi mà anh D tham gia là đúng. Tuy nhiên, số tiền hụi sống của từng lần anh D đóng cho bà không bằng với giá hụi chết nhưng bà cũng không xác định được mỗi kỳ hụi, anh D đóng cho bà số tiền thực tế là bao nhiêu vì thời gian lâu, sổ sách theo dõi không đầy đủ và hụi này là hụi bể, do các tay em khi hốt hụi không đóng hụi chết cho bà từ đó dẫn đến việc mất cân đối nên ngày 30/4/2019, bà tuyên bố bể hụi. Sau đó, bà đi tìm việc làm để trả nợ hụi cho các hụi viên nhưng bà chưa tìm được việc làm thì các hụi viên thưa đến Ban nhân dân ấp T đến ngày 02/12/2019, Ban nhân dân ấp mời bà đến làm việc và tại buổi làm việc, do bà không xác định được số tiền hụi sống của các hụi viên là bao nhiêu nên cán bộ ấp ghi vào biên bản là tính theo hụi chết nên bà mới xác định là còn nợ anh D số tiền là 41.000.000đ. Nay bà không đồng ý với yêu cầu của anh D trả tiền hụi sống bằng với giá hụi chết mà đối với dây hụi 1.000.000đ bà tính trung bình anh D đóng hụi cho bà là 700.000đ/1 chân, dây hụi 500.000đ bà tính trung bình anh D đóng hụi cho bà là 350.000đ/1 chân. Do đó, trong ba dây hụi trên, bà còn nợ và đồng ý trả cho anh D tiền hụi sống là 28.700.000đ (hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận hụi, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc chơi hụi giữa các đương sự có lập danh sách hụi viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của

cơ quan có thẩm quyền nhưng các đương sự trình bày thống nhất với nhau về thời gian mở hụi, loại hụi, số hụi viên tham gia, số dây hụi đã mở, số chân hụi mà nguyên đơn tham gia và các kỳ hụi nguyên đơn đã góp cho bị đơn cùng thời gian bãi hụi. Đồng thời, bị đơn thừa nhận từ khi hụi bãi cho đến nay vẫn còn nợ tiền 05 chân hụi sống mà nguyên đơn đã chơi trong ba dây hụi nêu trên và đồng ý trả nợ hụi cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý trả số tiền các chân hụi mà nguyên đơn đã đóng bằng với giá hụi chết (giá mà hụi viên đã hốt hụi phải đóng lại cho chủ hụi) nhưng bản thân bị đơn là chủ hụi, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh các kỳ hụi mà hụi viên được hốt hụi trong ba dây hụi mà nguyên đơn đã tham gia để chứng minh mỗi kỳ hụi thì hụi viên bỏ bao nhiêu tiền để được hốt hụi và nguyên đơn phải đóng tiền mỗi kỳ hụi là bao nhiêu kể cả nguyên đơn cũng không chứng minh được các vấn đề trên. Dù vậy, bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết tên Tô Tú A trong biên bản làm việc ngày 02/12/2019 tại Ban nhân dân ấp T, xã A, thành phố Cà Mau là do chính bị đơn ký tên, viết ra và cho đến tại thời điểm xét xử, chưa có kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền hoặc Quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án xác định bị đơn bị mất, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hay có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Hơn nữa, trong nội dung biên bản làm việc ngày 02/12/2019, bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hụi là 41.000.000đ tuy tại phiên tòa, bị đơn cho rằng do cán bộ ấp tự ghi vào biên bản số tiền các chân hụi sống của nguyên đơn đã đóng được tính bằng với số tiền hụi chết mà hụi viên đã hốt hụi phải đóng lại cho bị đơn nhưng ngoài lời trình bày thì bị đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh việc thừa nhận nợ trên là do ép buộc, không phải ý chí tự nguyện của bị đơn bởi cuối biên bản bị đơn còn xác nhận trong các dây hụi, bị đơn chơi trung thực, không có gian dối hay có dấu hiệu lừa đảo để chiếm đoạt tiền của các hụi viên và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vẫn đồng ý với nội dung biên bản trên, không có ý kiến nào khác phản đối hay không chấp nhận số tiền nợ hụi của các hụi viên được thể hiện trong biên bản nên bị đơn phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với chữ ký, chữ viết họ tên và việc thừa nhận nợ của mình trong biên bản.

[3] Đối với phần lãi hụi, nguyên đơn không yêu cầu – đây là ý chí tự nguyện và quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Với phân tích tại các đoạn [1] và [2] nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng các dây hụi trên là hụi bãi, lẽ ra phải tính số tiền vốn thực tế nguyên đơn góp hụi để buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn nhưng do nguyên và bị đơn không có chứng cứ, chứng minh từng lần bỏ hụi, góp hụi là bao nhiêu để làm cở sở điều chỉnh lại nên căn cứ vào biên bản làm việc ngày 02/12/2019 của Ban nhân dân ấp T đã lập để buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ 41.000.000đ là phù hợp.

[4] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quốc D.

Buộc bà Tô Tú A trả cho anh Nguyễn Quốc D số tiền là 41.000.000đ (bốn mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Quốc D có đơn yêu cầu thi hành án, bà Tô Tú A không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Tô Tú A phải chịu số tiền là 2.050.000đ (hai triệu không trăm năm chục nghìn đồng, chưa nộp).

Anh Nguyễn Quốc D không phải chịu. Ngày 13/5/2020, anh Nguyễn Quốc D đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.025.000đ (một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001796 được trả lại toàn bộ cho anh D.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân